

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nâng quy mô từ 150 lên 250 giường bệnh của Bệnh viện Đa khoa Tâm Đức Cầu Quan tại xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2820/QĐ-BYT ngày 04/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tăng giường bệnh đối với bệnh viện đa khoa Tâm Đức Cầu Quan (từ 150 giường bệnh lên 250 giường bệnh).

Xét kết luận của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Nâng quy mô từ 150 lên 250 giường bệnh của Bệnh viện đa khoa Tâm Đức Cầu Quan tại xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tại thông báo kết quả thẩm định ngày 30/06/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 20/CV-TP ngày 26/8/2020 của Công ty chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế Tuấn Phụng;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 933/Tr-STNMT ngày 21/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nâng quy mô từ 150 lên 250 giường bệnh của Bệnh viện Đa khoa Tâm Đức Cầu Quan thuộc Công ty Chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế Tuấn Phụng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Nông Công, Giám đốc Công ty Chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế Tuấn Phương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nâng quy mô từ 150 lên 250 giường bệnh của Bệnh viện đa khoa Tâm
Đức Cầu Quan thuộc Công ty Chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế Tuấn
Phượng tại xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của
Chủ tịch UBND tỉnh)*

1. Thông tin chung dự án:

Dự án Nâng quy mô từ 150 lên 250 giường bệnh của Bệnh viện đa khoa Tâm Đức Cầu Quan thuộc Công ty chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế Tuấn Phượng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

- Chủ đầu tư: Công ty chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế Tuấn Phượng
- Đại diện chủ dự án: Ông Tống Văn Cường
- Chức vụ: Phó Giám đốc
- Phương tiện liên lạc: 0914.419.557
- Địa chỉ trụ sở: Xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.
- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

+ Quy mô: 250 giường bệnh.

+ Bệnh viện có tổng diện tích 11.853 m². Các công trình chính gồm: Nhà hành chính, nhà khám bệnh, nhà khám và điều trị nội trú 03 tầng, nhà khám và điều trị nội trú 05 tầng, khoa dinh dưỡng, khoa truyền nhiễm, kho và phòng khám răng.... Các công trình phụ trợ gồm: khu xử lý nước thải, kho chứa chất thải, nhà bảo vệ, nhà ăn, nhà để xe...

2. Các tác động môi trường chính của dự án (khi đi vào hoạt động)

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh cá nhân, từ hoạt động ăn uống, lưu lượng là 39,35 m³/ngày.đêm (trong đó, nước thải từ nhà vệ sinh: 12,5 m³/ngày.đêm; nước tắm rửa, giặt giũ: khoảng 18,75 m³/ngày.đêm; nước thải từ nhà ăn: 8,1 m³/ngày.đêm). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- Nước thải y tế: phát sinh từ khâu khám chữa bệnh tại các khoa phòng với lưu lượng nước là 31,25 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: NH₄⁺; NO₃⁻; BOD; COD; TSS; Coliform;...

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong hoạt động của các phương tiện ra vào bệnh viện; hoạt động khám chữa bệnh; hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thành phần khí thải chủ yếu: Bụi, NO₂; SO₂; CO₂,...

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình vệ sinh buồng bệnh và khoa dinh dưỡng... khoảng 229,5kg/ngày.đêm; thành phần gồm thức ăn thừa, vỏ rau quả, túi nilon, giấy...

- Chất thải y tế thông thường phát sinh khoảng 25,5kg/ngày.đêm, bao gồm: Chai lọ truyền dịch bằng nhựa, thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa...

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải y tế nguy hại được phép tiêu hủy khoảng 50 kg/ngày.đêm, gồm: Vật sắc nhọn, chất thải chứa chất lây nhiễm, chứa các vật phẩm y tế mang các vi khuẩn, vi trùng gây bệnh.

- Chất thải nguy hại không được phép tiêu hủy khoảng 0,5 kg/ngày.đêm, gồm: Bóng đèn neon bị hỏng, pin, ắc quy, lọ đựng hóa chất gây độc tế bào, các lọ hóa chất nguy hại hết hạn....

- Chất thải giải phẫu, mô bệnh phẩm có kích thước lớn, nhau thai phát sinh khoảng 2,5 kg/ngày.đêm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:*

Nước mưa được thu gom vào hệ thống rãnh thoát nước có tổng chiều dài $L = 1.000m$, kích thước: rộng 0,4m x sâu 0,5m, nắp đậy bằng tấm đan bê tông. Trên hệ thống mương rãnh thoát nước mưa có bố trí hố ga lắng cặn, số lượng 25 hố ga, kích thước: 1,0m x 1,0m x 1,0m.

** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải bệnh viện:*

- *Nước thải tắm rửa, giặt giũ:* Được thu gom vào đường ống dẫn nước qua các hố ga sau đó qua ao sinh học và thải ra môi trường.

- *Nước thải từ nhà vệ sinh:* Được thu gom vào 15 bể tự hoại hiện trạng tại các khu nhà với tổng thể tích $450m^3$, mỗi bể có thể tích $25m^3$, nước thải sau bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Nước thải từ nhà ăn:* Được thu gom qua bể tách dầu mỡ hiện trạng tại Khoa dinh dưỡng có thể tích $4m^3$ (KT: 2x2x1m) để xử lý sơ bộ trước khi dẫn vào hệ thống XLNT tập trung.

- *Nước thải y tế:* Nước thải y tế được thu gom qua hệ thống đường ống và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

** Hệ thống xử lý nước thải tập trung (XLNTTT):*

- Hệ thống XLNTTT số 01 hiện xử lý nước thải từ các công trình cũ (tương ứng với quy mô 150 giường bệnh), sau đó được đưa về bể MBBR của hệ thống XLNT tập trung số 02 để xử lý tiếp.

Quy trình như sau: Nước thải → Bể điều hoà → bể yếm khí → bể lọc sinh học → bể MBBR (của hệ thống XLNTTT số 2).

- Hệ thống XLNTTT số 02 (xây mới) sẽ xử lý nước thải từ khu nhà điều trị 05 tầng tương ứng với quy mô 100 giường bệnh và nước thải từ hệ thống

XLNTTT số 01.

Quy trình như sau: Nước thải → Bể thu gom → bể điều hoà → bể yếm khí → bể thiếu khí → bể MBBR → bể lắng → bể khử trùng → hồ sinh học → môi trường.

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra sông Nhom

- Lắp đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra sau bể khử trùng để giám sát tổng lượng nước thải.

3.2. Về bụi, khí thải:

- Thường xuyên làm vệ sinh, quét dọn sạch sẽ khu vực bệnh viện. Riêng khu vực nhà ăn, nhà khám chữa bệnh, hội trường được lau bằng nước khử trùng để đảm bảo môi trường khám chữa bệnh.

- Chăm sóc, tu bổ thường xuyên diện tích cây xanh trong khu vực bệnh viện.

- Khu vực nhà bếp lắp đặt hệ thống chụp hút khí thải ra môi trường, kích thước: dài 1,5m x rộng 0,8m.

- Lắp đặt quạt hút mùi tại các phòng vệ sinh.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn thông thường*

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của bệnh viện được thu gom, phân loại theo Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế, cụ thể:

+ Tại hành lang mỗi tầng của mỗi khu nhà đặt các thùng composite 40 lít/thùng thu gom chất thải sinh hoạt;

+ Tại các xe tiêm thuốc trang bị 01 thùng 5 lít đựng chất thải y tế nguy hại; 01 thùng đựng kim tiêm và túi màu trắng đựng chất thải y tế thông thường.

+ Tại khu vực lưu giữ chất thải rắn: Có diện tích 60 m² xây dựng nhà cấp IV, tường gạch, mái tôn và được chia làm 03 phòng, mỗi phòng có diện tích 20 m² bao gồm: phòng tập kết chất thải rắn sinh hoạt; phòng tập kết chất thải y tế thông thường và phòng tập kết chất thải nguy hại;

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/ngày.

+ Đối với chất thải y tế thông thường có thể tái chế: Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định

** Biện pháp lưu giữ và giảm thiểu ô nhiễm từ chất thải nguy hại:*

+ Chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm và chất thải nguy hại khác được lưu giữ tại phòng lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích 20m².

+ Bể cô lập chất thải: Lưu giữ chất thải y tế sắc nhọn (như: kim tiêm,

mảnh vỡ thủy tinh...) gồm 02 bể có dung tích 2,0 m³/bể (Kích thước mỗi bể: 2,0m x 1,0m x 1,0m), bể được làm bằng BTCT xây chìm, có nắp đậy.

+ Đối với chất thải y tế nguy hại không sắc nhọn: ký hợp đồng với bệnh viện Đa khoa huyện Nông Công thu gom và xử lý với tần suất: 02 ngày/lần;

+ Đối với chất thải giải phẫu có kích thước lớn: Được thu gom riêng và đem đi chôn lấp tại các nghĩa trang tại huyện Nông Công;

+ Đối với chất thải y tế nguy hại sắc nhọn, có chứa chất độc, chất thải nguy hại không lây nhiễm và chất thải nguy hại khác: Hợp đồng với các đơn vị có chức năng đưa đi xử lý như: Công ty CP Môi trường Nghi Sơn tại KCN Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa hoặc Công ty CP Môi trường Việt Thảo tại KCN Bim Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

a. Giám sát môi trường không khí

- *Chỉ tiêu giám sát:* Vi khí hậu, độ ồn, CO, SO₂, NO₂, Bụi, NH₃, H₂S

- *Vị trí giám sát:*

+ KK1: Mẫu lấy tại khu vực tập kết rác thải;

+ KK2: Mẫu lấy tại khu vực xử lý nước thải.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 05: 2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

b. Giám sát môi trường nước

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, S²⁻, dầu mỡ động thực vật, Coliform, *Shigella*, *Samonella*, *Vibrio Chlorea*

- *Vị trí giám sát:* NT: Mẫu nước thải tại bể khử trùng của hệ thống trước khi ra hồ sinh học.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 28:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B).

c. Giám sát tổng lượng thải

- *Các vấn đề cần giám sát:*

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ rác thải sinh hoạt;

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải nguy hại;

+ Lập sổ theo dõi, thống kê khối lượng từng loại chất thải nguy hại;

+ Lập sổ nhận ký theo dõi vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung hằng ngày.

- *Vị trí giám sát:*

+ Tại khu vực lưu trữ rác tạm thời của bệnh viện.

+ Tại các khoa, phòng của bệnh viện./.